

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HS-ST

Ngày: 16/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xong.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Na và ông A Ning.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/HSST-QĐ ngày 18/11/2022 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 06/12/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Th**, tên gọi khác: Không, sinh ngày... tháng ... năm 197x, tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi ĐKKHKT: Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 195x và bà Trương Thị Thu L, sinh năm: 195x; có vợ: Lê Thị T, sinh năm 198x và 02 con, con lớn nhất sinh năm 200x, con nhỏ sinh năm 200x; gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/02/2005 bị cáo bị Công an huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Chiếm giữ trái phép tài sản của người khác.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/7/2022 đến nay (*Có mặt tại phiên tòa*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ủy ban nhân dân thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum;

Địa chỉ: Số 05, đường Phan Đình Phùng, tổ dân phố 1, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Châu Văn L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Ngọc B - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. Ông Phan Ngọc H, sinh năm: 198x; nơi cư trú: Số ..., đường Nguyễn H, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (*Có mặt tại phiên tòa*).

3. Bà Phạm Thị Thúy A sinh năm: 198x; nơi cư trú: Đường V, tổ dân phố ..., thị trấn Mn, huyện K, tỉnh Kon Tum (*Có mặt tại phiên tòa*).

4. Ông Bùi Văn Q, sinh năm: 198x; nơi cư trú: Số ...1, đường V, tổ dân phố ..., thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum (*Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

5. Ông A Đ, sinh năm: 198x; nơi cư trú: Thôn K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum (*Có mặt tại phiên tòa*).

6. Ông A E, sinh năm: 198x; nơi cư trú: Thôn K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum (*Có mặt tại phiên tòa*).

7. Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 197x; nơi cư trú: Thôn K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum (*Có mặt tại phiên tòa*).

8. Ông Ngô Hữu Đ, sinh năm: 197x; nơi cư trú: Số ..., đường V, tổ dân phố ..., thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum (*Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

9. Ông Đặng Minh H, sinh năm: 198x; nơi cư trú: Thôn K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum (*Có mặt tại phiên tòa*).

10. Bà Phan Thị D, sinh năm: 199x; nơi cư trú: Số ..., đường P, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum (*Có mặt tại phiên tòa*).

11. Ông Quách Văn Đ, sinh năm: 198x; nơi cư trú: Tổ dân phố ..., thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum (*Có mặt tại phiên tòa*).

12. Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm: 198x; nơi cư trú: Tổ dân phố ..., thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum (*Có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04 tháng 01 năm 2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông nhận được Kiến nghị khởi tố của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông vụ việc có dấu hiệu mua bán trái phép hóa đơn của hộ kinh doanh Phạm Thị Thúy A.

Tại Ban phát triển các thôn Kon Leang II, Kon Ke II lưu hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Long nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Măng Đen có 02 hóa đơn với nội dung mua vật liệu xây dựng và thuê máy móc thi công (gồm hóa đơn số 0026331 lập ngày 06/6/2019 giá trị 580.432.546 đồng của thôn Kon Leang II và hóa đơn số 0026332 lập ngày 25/6/2019 giá trị 203.262.000 đồng của thôn Kon Ke II).

Tại hộ kinh doanh Phạm Thị Thúy A lưu 02 hóa đơn số 0026331 và 0026332 gồm liên 1 và liên 3 với nội dung giao dịch văn phòng phẩm với tổng số tiền 920.000 đồng (gồm hóa đơn 0026331 xuất cho Ủy ban nhân dân xã Đăk Long nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Măng Đen với số tiền 380.000 đồng và hóa đơn 0026332 xuất cho

Ủy ban nhân dân xã Đăk Tăng với số tiền 540.000 đồng, cả 02 hóa đơn đều lập ngày 30/5/2019).

Quá trình điều tra xác định được như sau:

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định 991/QĐ-UBND ngày 03/10/2014 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Kon Tum “Quyết định phê duyệt Đề án cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014-2020”, ngày 10/10/2018, Ủy ban nhân dân xã Đăk Long (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum) đã có tờ trình xin thẩm định dự toán xây dựng công trình đường giao thông nông thôn (GTNT) Kon Leang II và đường GTNT Kon Ke II thuộc địa giới hành chính xã Đăk Long, huyện Kon Plông cùng hồ sơ dự toán xây dựng công trình. Hồ sơ đã được Phòng kinh tế - Hạ tầng của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông thẩm định đủ đạt yêu cầu, đủ điều kiện.

Ngày 26/10/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Long là ông Phan Ngọc H - Trưởng Ban Quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới xã Đăk Long ban hành Quyết định số 60/QĐ-UBND về việc phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đường GTNT Kon Leang II sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (chương trình 30a) với tổng mức đầu tư xây dựng công trình là 863.933.097 đồng (nguồn vốn chương trình 30a là 749.966.529 đồng, vốn dân góp là 113.966.568 đồng) và Quyết định số 58/QĐ-UBND về việc phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đường GTNT Kon Ke II với tổng mức đầu tư xây dựng công trình là 313.283.242 đồng (nguồn vốn chương trình 30a là 269.821.158 đồng, vốn dân góp là 43.462.085 đồng). Chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân xã Đăk Long, đơn vị lập hồ sơ, thực hiện đầu tư là Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đăk Long, huyện Kon Plông.

Căn cứ tờ trình về việc xin phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Ban quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới và báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Tổ thẩm định dự án dự án đầu tư xã, ngày 27/03/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Long ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND và số 23/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình đường GTNT thôn Kon Leang II và Kon Ke II theo hình thức có sự tham gia thực hiện của cộng đồng thôn. Ban phát triển thôn Kon Leang II do trưởng thôn A E làm trưởng ban, Ban phát triển thôn Kon Ke II do trưởng thôn A Đ làm trưởng ban.

Ngày 10/04/2019, ông Phan Ngọc H ký kết hợp đồng số 03/HĐKT/2019 với đại diện ban phát triển thôn Kon Leang II là ông A E thực hiện việc thi công công trình đường GTNT cấp IV có chiều dài 910 m với tổng giá trị hợp đồng là 859.383.000 đồng gồm Nguồn vốn Chương trình 30a là 745.417.000 đồng, vốn dân đóng góp 113.966.000 đồng. Ngày 07/05/2019, Ủy ban nhân dân xã Đăk Long có giấy đề nghị rút vốn đầu tư chuyển vào tài khoản của Ban phát triển thôn số tiền tạm ứng phục vụ việc thi công là 372.000.000 đồng và đến ngày 19/08/2019, Ủy ban

nhân dân xã tiếp tục có đề nghị rút vốn đầu tư đối với số tiền còn lại là 373.416.000 đồng chuyển vào tài khoản của Ban phát triển thôn sau khi hoàn thành công trình. Tổng số tiền chuyển vào tài khoản thôn Kon Leang II là 745.416.000 đồng (số tiền này đã trừ số tiền 4.550.000 đồng tiền chi phí quản lý dự án). Số tiền này theo hồ sơ dự toán sẽ chi cho các hạng mục: Chi phí vật liệu 517.509.636 đồng, chi phí nhân công 164.983.983 đồng, chi phí máy thi công 62.922.910 đồng.

Ngày 22/04/2019, ông Hải ký kết hợp đồng số 06/HĐKT/2019 với đại diện Ban phát triển thôn Kon Ke II là ông A Đ thực hiện việc thi công công trình đường GTNT cấp IV có chiều dài 337 m với tổng giá trị hợp đồng là 311.598.000 đồng gồm chi phí nhà nước là 268.136.000 đồng, chi phí nhân dân có công trình đi qua đóng góp 43.462.000 đồng. Ngày 09/09/2019, UBND xã có giấy đề nghị rút vốn đầu tư chuyển vào tài khoản của Ban phát triển thôn số tiền 268.136.000 đồng thanh toán khối lượng công trình theo hợp đồng (số tiền này đã trừ số tiền 1.685.000 đồng tiền chi phí quản lý dự án). Số tiền này theo hồ sơ dự toán sẽ chi cho các hạng mục chi phí máy 29.835.141 đồng, chi phí mua vật liệu thi công công trình 173.427.036 đồng, chi phí nhân công 64.873.981 đồng.

Theo quy định thì sau khi ký hợp đồng và hoàn tất các thủ tục xin tạm ứng vốn đầu tư thì Ban phát triển các thôn Kon Ke II, Kon Leang II chịu trách nhiệm thi công các hạng mục của công trình đường giao thông nông thôn mua nguyên vật liệu, thuê máy móc, nhân công thi công.

Nguyễn Ngọc Th - trong thời gian này là kế toán trưởng của xã Đăk Long được giao nhiệm vụ giám sát về tài chính, lập các hồ sơ dự toán, hoàn công, thanh quyết toán đối với hai công trình GTNT tại thôn Kon Leang II và Kon Ke II. Sau khi tiền được chuyển vào tài khoản của Ban phát triển thôn Kon Ke II, Kon Leang II, Th gọi ông A E - Đại diện Ban phát triển thôn Kon Leang II, ông A Đ - Đại diện Ban phát triển thôn Kon Ke II đi đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy - Kon Tum rút toàn bộ tiền của thôn Kon Leang II là 745.416.000, của thôn Kon Ke II là 268.136.000 đồng. Toàn bộ số tiền này Th giữ lại để phục vụ thi công mà không giao cho ông A E, ông A Đ. Ông A E, ông A Đ vì nhận thức còn hạn chế, không hiểu được nhiệm vụ của mình, biết Th là kế toán của xã, am hiểu về thu chi tài chính nên khi Th giữ tiền cũng không có ý kiến gì. Khi thi công đường giao thông tại thôn Kon Leang II, Kon Ke II, Th là người trực tiếp chi trả tiền cho các hạng mục thi công công trình đồng thời là người lập các hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán đối với hai công trình GTNT tại thôn Kon Leang II và Kon Ke II.

Trong quá trình thi công hai công trình, về nguyên vật liệu thi công công trình, Th liên hệ mua, thuê cụ thể: Đối với đá 1*2 cm, đá 4*6 cm Th mua, thanh toán tiền cho Công - quản lý mỏ đá xã Măng Cành; đối với vật liệu là cát Th liên hệ anh Quý (lái xe) mỏ cát tại cầu số 23 huyện Kon Rẫy; đối với xi măng là loại xi măng PC40 mua của Công ty TNHH Nghệ Giang, Đà Nẵng. Thuê nhân công là những người dân trong thôn có công trình đi qua. Máy móc thi công Th thuê của ông Ngô Hữu

Đ. Sau khi công trình hoàn thành, Th chi trả toàn bộ số tiền đã mua vật liệu thi công, tiền nhân công, tiền máy. Số tiền chi cụ thể thế nào Th không nhớ cụ thể do đã thất lạc hết chứng từ. Th chưa làm các thủ tục để thanh quyết toán công trình khi công trình đã hoàn thành.

Khi lập hồ sơ thanh quyết toán hai công trình GTNT trên, Th có liên hệ với các đơn vị đã cung ứng vật liệu để xuất hoá đơn nhưng vì thời điểm này là cuối năm nên các đơn vị đã chốt sổ, báo cáo thuế, không xuất hoá đơn. Để khẳng định uy tín, trách nhiệm của Th trước lãnh đạo cơ quan đối với nhiệm vụ được phân công và quyết toán hết số tiền đã được cấp, Th đã tự ý lập không hai hợp đồng kinh tế số 10/2019/HĐKT về việc cung cấp vật liệu, thuê máy thi công xây dựng đường GTNT Kon Leang II giữa Ban phát triển thôn với cửa hàng vật liệu xây dựng Anh Quý do ông Bùi Văn Q là chủ cửa hàng ở đường tỉnh lộ 676 (nay là đường Võ Nguyên Giáp), thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông với số tiền 580.432.546 đồng; hợp đồng kinh tế số 18/2019/HĐKT về việc cung cấp vật liệu, thuê máy thi công xây dựng đường GTNT Kon Ke II giữa Ban phát triển thôn với cửa hàng vật liệu xây dựng Anh Quý với số tiền 203.262.000 đồng và biên bản nghiệm thu thanh lý hai hợp đồng. Th tự ý lấy 02 hoá đơn đỏ liên 2 số 0026331, 0026332 của cửa hàng văn phòng phẩm Thúy Ánh trên đường tỉnh lộ 676 (nay là đường Võ Nguyên Giáp), thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum tự điền nội dung xuất theo hai hợp đồng sau đó đến thành phố Kon Tum đặt con dấu mang tên cửa hàng vật liệu xây dựng Anh Quý để đóng vào các tài liệu, Th tự giả chữ ký và chữ viết đề tên Bùi Văn Q vào 02 hợp đồng và hoá đơn trên. Th kê toàn bộ khối lượng nguyên vật liệu phục vụ thi công công trình, tiền công nhân công cho phù hợp với dự toán đã được phê duyệt.

Toàn bộ hồ sơ hai công trình giao thông nông thôn tại thôn Kon Ke II, Kon Leang II đã được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Kon Tum thanh tra vào năm 2020 và có kết luận số 259/KL-SKHĐT ngày 27/01/2021: Công tác lập, trình thẩm định, phê duyệt, hồ sơ xây dựng; việc thực hiện dự án đầu tư, kết thúc đầu tư đưa dự án đầu tư vào khai thác, sử dụng đều bảo đảm đúng quy định.

Làm việc tại cửa hàng văn phòng phẩm Thúy Ánh do bà Phạm Thị Thúy A làm chủ, bà Ánh trình bày 02 (hai) hoá đơn bán hàng số 0026331 và 0026332 ký hiệu 61AB/18P là 02 số trong quyển số 00527 từ số 0026301 đến 0026350 do bà Ánh đăng ký mua tại Chi cục thuế huyện Kon Plông. Trong quá trình quản lý, bà Ánh cho biết bị mất 02 số hoá đơn nhưng không biết báo cho ai. Để phục vụ cho việc kê khai thuế, sợ bị phạt nên bà Ánh đã tự ý điền nội dung giao dịch bán hàng văn phòng phẩm cho Ủy ban nhân dân xã Đăk Long với số tiền 380.000 đồng tại liên 1 và liên 3 hoá đơn bán hàng số 0026331 và bán hàng văn phòng phẩm cho Ủy ban nhân dân xã Đăk Tăng với số tiền 540.000 đồng tại liên 1 và liên 3 hoá đơn bán hàng số 0026332.

Đối với hạng mục máy thi công hai công trình, quá trình điều tra xác định được, Th có thuê ông Ngô Hữu Đ một máy đào và hai máy trộn bê tông ngoài ra không thuê máy móc gì khác để thi công công trình. Theo Đồ trình bày, trong thời gian này

Đô đang có công trình đang làm ở xã Đăk Long nên khi Th thuê thì Đô không nhận nhưng Đô hứa sẽ làm giúp và Th phải trả tiền dầu, tiền hao mòn máy. Số tiền mà Đô đã nhận là 21.000.000 đồng. Đối chiếu với hạng mục máy thi công lập dự toán đã được phê duyệt là 92.758.051 đồng. Các hạng mục máy thi công không làm gồm máy đầm 9T, máy đầm bàn 1KW, máy đầm cóc, máy đầm dùi 1,5KW, máy trộn 500 lít, máy ủi công suất 108,0CV (110CV) với số tiền 71.758.051 đồng. Đối với số tiền thực tế không làm này Th giữ lại, không báo cho ai biết và đã sử dụng chi hết vào việc cơm nước tổ chức các hội nghị, tiếp khách các đoàn công tác, mua quà cuối năm, hỗ trợ xăng xe đi lại khi thi công công trình, thuê lập hồ sơ dự án.

Tiến hành làm việc với ông Lê Văn Đ là người dân sinh sống tại thôn Kon Leang II, ông Dương cho biết khoảng tháng 4 năm 2019, ông được thuê làm đường giao thông nông thôn tại thôn Kon Leang II. Trong quá trình thi công công trình tại thôn Kon Leang II ông Dương do có biết về xây dựng nên ông tham gia làm đường, hướng dẫn và giám sát người dân làm đường. Toàn bộ nguyên vật liệu do Ủy ban nhân dân xã cung cấp. Việc chăm công người dân đi làm do ông thực hiện sau đó chuyển lại cho Th để Th thanh toán tiền công. Ông Dương cũng cho biết trong suốt quá trình thi công công trình chỉ có một máy đào và hai máy trộn bê tông, ngoài ra không có bất cứ máy móc gì khác hỗ trợ thi công.

Ngày 08 tháng 01 năm 2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Kon Plông phối hợp Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông và Ủy ban nhân dân thị trấn Măng Đen tiến hành kiểm tra, đo đạc thực tế tại thực địa xác định: Tuyến đường GTNT Kon Leang II bao gồm 09 đoạn đường có tổng độ dài là 910 m, chọn ngẫu nhiên một số điểm xác định bề rộng mặt đường là 2,5m; Tuyến đường GTNT Kon Ke II chia thành 02 đoạn có tổng độ dài là 337 m, chọn ngẫu nhiên một số điểm xác định bề rộng mặt đường là 2m (không tiến hành kiểm tra chất lượng công trình). Công trình đã có nhiều điểm bong tróc, hư hỏng do quá trình sử dụng của người dân. Đảm bảo đúng hồ sơ thiết kế về chiều dài, chiều rộng, độ dày của công trình. Ngày 25/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông có văn bản trao đổi, trưng cầu giám định tư pháp thuộc Sở xây dựng tỉnh Kon Tum giám định chất lượng công trình, tổng khối lượng nguyên vật liệu tại thời điểm hoàn công công trình vào tháng 6 năm 2019. Ngày 03/5/2022, Trung tâm giám định chất lượng xây dựng - Sở xây dựng tỉnh Kon Tum có văn bản trả lời số 05/VB-TTGD: Chỉ có thể thực hiện được khi công trình ở thời điểm hiện tại phù hợp hoàn toàn với công trình ở thời điểm năm 2019 hoặc có bản vẽ hoàn công xác nhận đúng hiện trạng công trình ở thời điểm năm 2019.

Tại Cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 06 tháng 10 năm 2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Th về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Th phạm tội “Lợi

dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 356; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Th mức án từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 356 của Bộ luật hình sự. Cấm bị cáo Nguyễn Ngọc Th đảm nhiệm chức vụ trong cơ quan Nhà nước trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo không được hưởng lợi từ khoản tiền quyết toán sai; hơn nữa hiện tại bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

Bị cáo đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền là 71.758.051 đồng. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 71.758.051 đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với các tờ hoá đơn số 0026331 và 0026332 gồm liên 1 và liên 3 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã thu giữ của bà Phạm Thị Thúy A. Đây là chứng cứ có chứa những thông tin chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Phan Ngọc H (nguyên chủ tịch UBND xã Đăk Long – Trưởng Ban xây dựng nông thôn mới xã, chủ đầu tư hai công trình giao thông nông thôn): quá trình triển khai xây dựng công trình giao thông nông thôn tại thôn Kon Ke II, Kon Leang II đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban xây dựng nông thôn mới của xã. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện do bận nhiều công việc nên không kiểm tra, giám sát thường xuyên tại công trình. Tin tưởng vào cán bộ cấp dưới tham mưu, báo cáo việc thi công công trình, ký các văn bản chứng từ quyết toán mà kế toán Th đã lập mà không kiểm tra nội dung. Không biết việc bị cáo Th giữ lại tiền của Ban xây dựng và phát triển nông thôn của thôn Kon Ke II, Kon Leang II để chi trả các hạng mục của công trình, số tiền còn thừa sau khi thanh toán công trình. Tài sản bị thất thoát không đủ định lượng để xử lý về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự. Không có căn cứ xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án đối với ông Hải. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với ông Hải. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với hộ kinh doanh văn phòng phẩm Thúy Ánh: bà Phạm Thị Thúy A trong quá trình quản lý, sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng đã làm mất 02 liên của 02 số hoá đơn mà không báo cho cơ quan chức năng, tự ý điền nội dung mua hàng để kê khai thuế. Hành vi của bà Ánh vi phạm chế độ quản lý, sử dụng hoá đơn thuế

của Nhà nước. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã có văn bản đề nghị Chi cục thuế khu vực số 1 xem xét, xử lý theo quy định. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với ông Bùi Văn Q (Cửa hàng vật liệu xây dựng Anh Quý): ông Q không lập các hợp đồng kinh tế với xã Đắc Long, không ký vào các hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý hợp đồng do Th soạn thảo (quá trình điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, con dấu của Cửa hàng vật liệu xây dựng Anh Quý trên hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng do Th soạn thảo kết quả là giả, không phải do ông Quý ký), ông Quý cũng không biết việc Th soạn thảo các hợp đồng này do đó không có căn cứ để xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với ông A E (Trưởng Ban phát triển thôn Kon Leang II) và ông A Đ (Trưởng Ban phát triển thôn Kon Ke II): quá trình thi công công trình do nhận thức hạn chế, không biết rõ nhiệm vụ của mình, không có động cơ, mục đích vụ lợi, không nắm được khối lượng công trình, số tiền thanh quyết toán, không biết việc lập không hồ sơ quyết toán của bị cáo Th nên không có căn cứ để xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có khiếu nại gì và không có ý kiến tranh luận đối đáp gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, bị cáo hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, họ đã có lời khai ở Cơ quan điều tra có trong hồ sơ

vụ án. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với thời gian, địa điểm, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Năm 2019, trong quá trình thi công công trình đường giao thông nông thôn tại thôn Kon Ke II, Kon Leang II thuộc xã Đăk Long (nay là thị trấn Măng Đen) huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Vì muốn có tiền chi cho hoạt động của cơ quan (thuê lập hồ sơ dự án, tiếp khách, tặng quà, hỗ trợ xăng xe đi lại khi thi công công trình) và muốn khẳng định củng cố uy tín của bản thân một cách không chính đáng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao về giám sát tài chính, lập hồ sơ thanh quyết toán công trình tại thôn Kon Leng II, Kon Ke II, Nguyễn Ngọc Th đã giữ tiền thi công công trình, chi trả các hạng mục thi công. Đối với các hạng mục máy thi công gồm máy đầm 9T, máy đầm bàn 1KW, máy đầm cóc, máy đầm dùi 1,5KW, máy trộn 500 lít, máy ủi công suất 108,0CV (110CV) không làm, Th không báo cho ai biết, không trả lại cho ngân sách nhà nước mà lập khống hồ sơ quyết toán để phù hợp với số tiền dự toán được cấp, gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 71.758.051 đồng. Do đó, hành vi của Nguyễn Ngọc Th đã phạm vào tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” được quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Vì vậy, Cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 06 tháng 10 năm 2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, gây thiệt hại tài sản của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo là người có chức vụ quyền hạn, được đào tạo cơ bản về lĩnh vực mình phụ trách, nhận thức được rằng hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- *Về nhân thân*: Ngày 16/2/2005 bị cáo bị Công an huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Chiếm giữ trái phép tài sản của người khác.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả. Bộ đề của bị cáo được nhà nước tặng “Huy chương kháng chiến hạng Nhất”. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội do lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao, vì vậy cần thiết phải cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ ở cơ quan nhà nước trong một thời hạn nhất định sau khi chấp hành xong án phạt tù. Do vậy, cần áp dụng khoản 4 Điều 356 của Bộ luật hình sự. Cấm bị cáo Nguyễn Ngọc Th đảm nhiệm chức vụ trong cơ quan Nhà nước trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo không được hưởng lợi từ khoản tiền quyết toán sai; hơn nữa hiện tại bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm*:

Bị cáo đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền là 71.758.051 đồng. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 71.758.051 đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả nên tịch thu số tiền trên sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với các tờ hoá đơn số 0026331 và 0026332 (gồm liên 1 và liên 3), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã thu giữ của bà Phạm Thị Thúy A. Đây là chứng cứ có chứa những thông tin chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

[7] Đối với ông Phan Ngọc H (nguyên chủ tịch UBND xã Đăk Long - Trưởng Ban xây dựng nông thôn mới xã, chủ đầu tư hai công trình giao thông nông thôn): quá trình triển khai xây dựng công trình giao thông nông thôn tại thôn Kon Ke II, Kon Leang II đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban xây dựng nông thôn mới của xã. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện do bận nhiều công việc nên không kiểm tra, giám sát thường xuyên tại công trình. Tin tưởng vào cán bộ cấp dưới tham mưu, báo cáo việc thi công công trình, ký các văn bản chứng từ quyết toán mà kế toán Th đã lập mà không kiểm tra nội dung. Không biết việc bị cáo Th giữ lại tiền của Ban xây dựng và phát triển nông thôn của thôn Kon Ke II, Kon Leang II để chi trả các hạng mục của công trình, số tiền còn thừa sau khi thanh toán công trình. Tài sản bị thất thoát không đủ định lượng để xử lý về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm d khoản Điều 360 Bộ luật hình sự. Không có căn cứ xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án đối với ông Hải. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với ông Hải. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Đối với hộ kinh doanh văn phòng phẩm Thúy Ánh: bà Phạm Thị Thúy A trong quá trình quản lý, sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng đã làm mất 02 liên của 02 số hoá đơn mà không báo cho cơ quan chức năng, tự ý điền nội dung mua hàng để kê khai thuế. Hành vi của bà Ánh vi phạm chế độ quản lý, sử dụng hoá đơn thuế

của Nhà nước. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã có văn bản đề nghị Chi cục thuế khu vực số 1 xem xét, xử lý theo quy định. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Đối với ông Bùi Văn Q (Cửa hàng vật liệu xây dựng Anh Quý): ông Quý không lập các hợp đồng kinh tế với xã Đăk Long, không ký vào các hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý hợp đồng do Th soạn thảo (quá trình điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, con dấu của Cửa hàng vật liệu xây dựng Anh Quý trên hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng do Th soạn thảo kết quả là giả, không phải do ông Quý ký), ông Quý cũng không biết việc Th soạn thảo các hợp đồng này do đó không có căn cứ để xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Đối với ông A E (Trưởng Ban phát triển thôn Kon Leang II) và ông A Đ (Trưởng Ban phát triển thôn Kon Ke II): quá trình thi công công trình do nhận thức hạn chế, không biết rõ nhiệm vụ của mình, không có động cơ, mục đích vụ lợi, không nắm được khối lượng công trình, số tiền thanh quyết toán, không biết việc lập không hồ sơ quyết toán của Th nên không có căn cứ để xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Th phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 356; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Th **20 (hai mươi) tháng tù**; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Ngọc Th đảm nhiệm chức vụ trong cơ quan Nhà nước trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 11 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 71.758.051 đồng (*Bảy mươi một triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn không trăm năm mươi một đồng*).

(*Số tiền trên được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum theo Ủy nhiệm chi ngày 17/11/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Kon Plông*).

Đối với các tờ hoá đơn số 0026331 và 0026332 gồm liên 1 và liên 3 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã thu giữ của bà Phạm Thị Thúy A.

Đây là chứng cứ có chứa những thông tin chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Th phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/12/2022). Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng KTNV & THAHS TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Kon Plông;
- Cơ quan THAHS CA huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện KonPlông;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xong